

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 18/2021/HSST

Ngày: 10/5/2021

*Về việc “ Hoàng Thị H phạm tội giả
mạo giấy tờ cơ quan tổ chức ”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Q

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân H và ông Đỗ Quang H1

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê M - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Thanh H; Kiểm
sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P. Xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/HSST ngày 22/4/2021 và theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 18/2021/HSST- QĐ ngày 22/4/2021 đối với bị cáo:

Hoàng Thị H; Sinh năm 1984; Nơi ĐKKHKT: Khu tập thể cầu Thăng Long,
phường C, quận B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn
giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Hoàng Mạnh
H và bà Phạm Thị K; Anh chị em ruột: Bị can là con út trong gia đình có ba anh em.
Có chồng là Nguyễn Văn Đ (đã ly hôn) và có 02 con (con nhỏ sinh năm 2015, con
lớn sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn
cầm đi khỏi nơi cư trú tại phường , quận B, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Như Q, sinh năm 1988 ở
thôn K, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội

Bị cáo có mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại
phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng từ tháng 10/2018, Hoàng Thị H, có quan hệ vay mượn tiền với anh
Nguyễn Như Q. Việc vay, trả tiền được thực hiện nhiều lần và tính đến tháng

10/2019, H còn nợ anh Q 500.000.000 đồng. Do vẫn có nhu cầu cần vốn để làm ăn, H tiếp tục hỏi vay tiền và được anh Q đồng ý với điều kiện phải có tài sản bảo đảm. H đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất của mình là thửa đất số 137a, tờ bản đồ số 6, diện tích 210m² ở địa chỉ thôn L, xã , huyện P, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận QSD đất số CR 727401 do Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp) và anh Q đồng ý cho H vay 1.200.000.000 đồng, chia thành nhiều khoản vay nhỏ. Tuy nhiên, do sợ bị mất thửa đất trên, H nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận QSD đất. Khoảng tháng 10/2019, H lên mạng internet tìm, liên lạc với 01 người qua điện thoại, thỏa thuận tiền công làm giả GCN QSD đất với giá là 3.000.000 đồng. H gửi hình ảnh bản gốc GCN QSD đất số CR 727401 cho người làm thuê qua phần mềm Zalo để họ lấy nội dung, 03 ngày sau, H được một thanh niên mang đến giao cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả theo yêu cầu.

Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, H cùng anh Q thống nhất ký “*hợp đồng chuyển nhượng*” coi đây là “*điều kiện*” để vay tiền, vào ngày 11/10/2019, tại Tòa nhà N4A15, khu dự án nhà ở Phú Mỹ, phường M, quận N, Hà Nội là nơi ở của anh Q, với sự tham gia công chứng của Văn phòng công chứng Trương Thị N, ở khu đô thị Văn Quán, phường P, quận H. Sau khi ký hợp đồng, H đã giao giấy chứng nhận giả nêu trên cho anh Q. Tin H, anh Q đã nhiều lần giải ngân cho H1 vay thêm tiền, tùy theo nhu cầu của H2 mỗi lần vay từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo từng lần. H sử dụng tiền vay vào việc kinh doanh cửa hàng tạp hóa, bán bảo hiểm và đầu tư chứng khoán. Khi đến hạn trả nợ, H1 sử dụng tài khoản mở tại các Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VP Bank), Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcom Bank), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietin Bank) để chuyển khoản, trả nợ gốc và lãi vay cho anh Q tại các Ngân hàng mà anh Q1 mở tài khoản.

Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê toàn bộ quá trình giao dịch giữa H và anh Q qua tài khoản tại các ngân hàng kể từ sau kí hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/10/2019 xác định anh Q1 đã cho H vay số tiền 5.372.795.000 đồng, H1 đã trả anh Q2 số tiền 5.912.209.000 đồng, số tiền chênh lệch 539.714.000 đồng khi H2 chuyển tiền là tiền lãi. Đến nay H đã trả hết nợ gốc, lãi của các khoản vay, sau khi kết kết hợp đồng chuyển nhượng, còn nợ anh Q số tiền là 500.000.000 đồng là tiền nợ trước thời điểm tháng 10/2019.

Đến ngày 22/6/2020, anh Q không thấy H trả số tiền nợ nêu trên nên đã mang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện P để làm thủ tục sang tên thì phát hiện là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H giao cho anh là giả đồng thời chuyển tin báo về tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ

chức, cùng tang vật, tài liệu thu giữ được, đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện P xử lý theo quy định.

Cơ quan điều tra Công an huyện P đã trưng cầu giám định GCN QSD đất số CR 727401 mà bị cáo làm giả. Tại bản Kết luận giám định số 7637/KLGD-PC09 ngày 27/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: *“Dấu, chữ ký trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 727401 do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Phú Xuyên giao nộp không phải là dấu, chữ ký mà Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cung cấp”*.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, bị cáo khai vay tiền anh Q với số tiền lãi từ 1.000 đồng - 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng, khi đòi chất, anh Q1 không thừa nhận, bản thân H không nhớ lãi suất cụ thể của từng lần vay. Do vậy, ngoài lời khai của bị cáo, không còn tài liệu nào khác để chứng minh, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự của Q đối với hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

Đối với người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không làm rõ được số điện thoại liên lạc, trang mạng đăng thông tin của người này, nên không xem xét, xử lý.

Đối với văn phòng công chứng Trương Thị N đã công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa H và anh Q, nhưng Công chứng viên không biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối Công chứng viên.

Tại cáo trạng số 02/CT - VKS ngày 08/2/2021 của VKSND huyện P đã truy tố bị cáo Hoàng Thị H về tội: “Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 điều 341 của BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Bị cáo xác nhận, do cần vốn làm ăn và còn nợ tiền anh Q, nên khi anh Q1 nêu điều kiện cho vay là phải thế chấp tài sản, bị cáo đã thuê người làm giả GCN QSD đất để anh Q2 tiếp tục cho vay tiền, tuy nhiên, sau đó bị cáo vẫn trả đủ nợ gốc, nợ lãi cho anh Q3 và hoàn toàn không có ý định chiếm đoạt tiền của anh Q4, đề nghị Tòa xem xét, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn, phải nuôi 02 con nhỏ để giảm nhẹ hình phạt.

Tại hồ sơ, anh Nguyễn Như Q khai nhận: Do H đang nợ tiền anh nhưng muốn tiếp tục vay thêm, nên anh Q yêu cầu phải có tài sản thế chấp, để làm điều kiện cho vay, sau đó bị cáo đã dùng bìa đồ giả để thế chấp cho anh, vì tin tưởng, anh đã cho bị cáo vay trên 5 tỉ đồng, đến nay H1 đã trả nợ gốc, lãi vay cho anh đầy đủ. Đối với số tiền H còn nợ lại 500.000.000 đồng là tiền vay trước khi H1 dùng giấy chứng nhận làm giả vay tiền anh Q, đây là quan hệ dân sự giữa hai bên. Anh Q không có đề nghị gì về việc giải quyết khoản vay này.

Phần tranh luận: Đại diện VKS nhân dân huyện P giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm về tội danh, khung hình phạt đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 341 và các quy định khác của BLHS để xử phạt Hoàng Thị H 09 - 12 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, đề nghị xử lý án phí hình sự đối với bị cáo theo qui định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P1; Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung vụ án:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan điều tra, cáo trạng của Viện kiểm sát; phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tang vật, cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ, có đủ căn cứ để khẳng định: Do vẫn còn nợ 500.000.000 đồng của anh Nguyễn Như Q và tiếp tục có nhu cầu vay tiền nên khoảng tháng 10/2019, Hoàng Thị H lên mạng internet thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 727401 đứng tên bản thân H1, do Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp tại thửa đất số 137a, tờ bản đồ số 6, diện tích 210m², ở thôn L, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau đó, ngày 11/10/2019, H dùng Giấy chứng nhận giả này ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Q để làm điều kiện vay tiền và được anh Q1 cho vay với tổng số tiền vay là 5.372.795.000 đồng, sau đó bị cáo đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi các khoản vay cho anh Q, tuy nhiên vẫn còn nợ anh Q1 số tiền 500.000.000 đồng trước thời điểm kí kết hợp đồng chuyển nhượng, nên anh Q2 đã đến Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện P để làm thủ tục sang tên chuyển nhượng bị phát hiện. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, theo khoản 1 điều 341 BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 24/3/2021, Tòa án nhân dân huyện P, đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 05/2021/HSST- QĐ, cho Viện kiểm sát nhân dân huyện P để làm rõ dấu hiệu bị cáo Hoàng Thị H có phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” hay không? Đến ngày 31/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện P có văn bản số 01/VKS trả lời Tòa án nhân dân huyện P là “*Vẫn giữ nguyên quan điểm truy*

tổ Hoàng Thị H về tội danh “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Do giới hạn xét xử theo quy định của điều 298 BLTTHS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử bị cáo theo tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ xâm phạm về trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, gây xói mòn lòng tin của nhân dân với chính quyền địa phương, nhất là trong lĩnh vực quản lý hành chính về đất đai, tạo tâm lý bức xúc trong chính quyền, cán bộ và nhân dân, do vậy cần phải xử nghiêm, áp dụng hình phạt tù mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh răn đe phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã ly hôn và phải nuôi 02 con nhỏ, mà áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS giảm nhẹ đáng kể hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo làm nghề tự do, phạm tội không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đối với số tiền lãi mà H khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, khi vay tiền anh Q, phải chịu tiền lãi từ 1.000 đồng - 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng anh Q1 không thừa nhận, bản thân H1 không nhớ lãi suất cụ thể của từng lần vay, cơ quan điều tra không chứng minh được, nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự của Q2 đối với hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự là có căn cứ.

Đối với người làm giả GCN QSD đất cho H, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không làm rõ được số điện thoại liên lạc, trang mạng đăng thông tin của người này nên không đủ căn cứ để xử lý, Tòa không xét.

Đối với văn phòng công chứng Trương Thị N đã công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa H và anh Q, nhưng Công chứng viên không biết được GCN QSD đất là giả nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Công chứng viên là có căn cứ, Tòa không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Phía anh Nguyễn Văn Q thừa nhận toàn bộ số tiền gốc và lãi cho H vay từ ngày 19/11/2019 đến nay, bị cáo đã trả đủ. Riêng với số tiền H còn nợ anh 500.000.000 đồng là tiền vay trước khi H1 dùng giấy chứng nhận làm giả vay tiền anh Q, đây là quan hệ dân sự giữa hai bên. Anh Q không có đề nghị gì về việc giải quyết khoản vay này, nên Tòa không xét trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp, thì giành quyền khởi kiện cho các bên trong một vụ án riêng biệt khác nếu họ có yêu cầu.

Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi những nhận định trên.

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị H phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; xử phạt:*

Bị cáo Hoàng Thị H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án

- *Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp Hà Nội;
- Bị cáo; Người có QL và NV LQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Q

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA